

Bản án số: **02/2018/DS-ST.**

Ngày: 03/4/2018.

“V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Đình Chi.

2. Bà Võ Thị Cảnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ngày tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang, Tòa án nhân dân huyện Kbang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 46/ 2018/ TLST-DS ngày 20/11/2017. Về việc: **“Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/ 2018/ QĐXXST-DS ngày 14/3/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Đỗ Văn U**, sinh năm 1954 và bà **Lê Thị L**, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Đặng Nguyên T**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Đỗ Văn U và bà Lê Thị L cùng trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết vì cô T là cô giáo dạy cùng trường với con gái của ông- bà nên vào ngày 18/7/2013, cô Nguyễn Đặng Nguyên T có hỏi và được ông- bà cho vay số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng y*). Khi vay tiền hai bên tự nguyện thỏa thuận với nhau lãi suất là 2,5%/tháng, việc thực hiện nghĩa vụ trả lãi 02 tháng thanh toán 01 lần. Khi vay cô T tự nguyện viết giấy vay tiền đề ngày 18/7/2013, cô T ký nhận nợ, ghi rõ họ tên và giao lại giấy vay tiền cho ông, bà giữ, ông- bà đã cung cấp cho Tòa án làm chứng cứ.

Trong quá trình vay tiền cô T có thực hiện nghĩa vụ trả lãi đầy đủ nhưng từ tháng 01/2016 đến nay đã không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi và chưa thực hiện được nghĩa vụ trả nợ gốc cho ông- bà. Nay thời gian vay tiền cũng đã lâu ông - bà đã nhiều

lần gặp trực tiếp yêu cầu cô T trả tiền nợ gốc không yêu cầu trả tiền lãi nữa, nhưng cô T vẫn không trả nợ cho ông-bà, cứ hứa hết lần này đến lần khác. Vì vậy, ông-bà yêu cầu cô T phải trả cho ông-bà số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

Tại phiên hòa tòa hôm nay, ông- bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc cô T phải trả cho ông- bà số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng làm một lần.

Ngoài ra nguyên đơn còn yêu cầu: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi người phải thi hành án là chị Nguyễn Đặng Nguyên T thi hành án xong, tất cả các khoản tiền (*20.000.000 đồng nợ gốc*), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Nguyễn Đặng Nguyên T trình bày:

Chị thừa nhận vào ngày 18/7/2013, chị có vay của vợ chồng ông Đỗ Văn U và bà Lê Thị L số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng y*). Khi vay tiền chị (T) đã tự nguyện viết giấy vay tiền đề ngày 18/7/2013, ký nhận nợ, ghi rõ họ tên và giao lại cho ông U- bà L với nội dung có vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất là 2,5%/tháng, việc thực hiện nghĩa vụ trả lãi 02 tháng thanh toán 01 lần. Nay ông U- bà L khởi kiện và giao nộp chứng cứ tại Tòa án đúng với giấy vay tiền chị (T) đã ghi. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị thừa nhận còn nợ và chấp nhận trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng, nhưng do điều kiện gia đình chị đang gặp nhiều khó khăn và còn nợ rất nhiều người khác nữa nên chị xin được trả dần số tiền nợ trên hàng tháng mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ trên.

Tại phiên hòa tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có ý kiến bổ sung gì thêm.

Bị đơn chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn là: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi người phải thi hành án chị Nguyễn Đặng Nguyên T thi hành án xong, tất cả các khoản tiền (*20.000.000 đồng nợ gốc*), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn ông Đỗ Văn U và bà Lê Thị L với bị đơn chị Nguyễn Đặng Nguyên T là tranh chấp phát sinh từ quan hệ pháp luật vay tài sản, cụ thể là quan hệ giữa bên cho vay là ông U - bà L và bên vay là chị T. Quan hệ này được lập thành văn bản, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật bảo vệ. Ông U - bà L là chủ thể trong giao dịch có quyền lợi bị vi phạm nên được quyền khởi kiện. Đơn khởi kiện đảm bảo về hình thức và thời hiệu khởi kiện nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, Gia Lai.

[2] Quan hệ vay tài sản giữa người cho vay ông U - bà L và người vay T có thực hiện việc giao kết hợp đồng là 01 Giấy vay tiền đề ngày 18/7/2013 (*bản chính*), nguyên đơn đã nộp cho Tòa án để làm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nội dung Giấy vay tiền “Tôi tên là: *Nguyễn Đăng Nguyên T*
ở thôn A xã Đ

Hôm nay 18//2015 tôi có vay vợ chồng cô chú L U số tiền là : 20.000.000 đ lãi suất 2,5%/tháng. Theo thỏa thuận 2 tháng thanh toán lãi 1 lần.

Người viết đơn

Ký tên

Nguyễn Đăng Nguyên T’

Chứng cứ ông U - bà L cung cấp cho Tòa án là đúng được bị đơn thừa nhận, đồng thời chứng cứ hoàn toàn phù hợp với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên chứng cứ trên được HĐXX chấp nhận.

[3] Bị đơn chị Nguyễn Đăng Nguyên T đã thừa nhận nợ ông U- bà L số tiền là 20.000.000 đồng nợ gốc và chấp nhận trả nợ nhưng do điều kiện hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên. Đối với yêu cầu trả nợ dần của bị đơn thì nguyên đơn không đồng ý, hơn nữa bị đơn yêu cầu được trả dần mỗi tháng 200.000 đồng trên số tiền 20.000.000 đồng là quá lâu không đảm bảo được quyền lợi cho ông U - bà L nên HĐXX không chấp nhận.

Từ những phân tích như trên, căn cứ vào Điều 474 và 477 của Bộ luật dân sự năm 2005 HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn U và bà Lê Thị L để buộc bị đơn chị Nguyễn Đăng Nguyên T phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

Về án phí DSST: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 474 và 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 26; 35; 91; 93; 94; 95; 108 và khoản 03 Điều 144; khoản 01 và khoản 05 Điều 147; 227; 228; 266, 357, 468 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn U và bà Lê Thị L, buộc bị đơn chị Nguyễn Đăng Nguyên T phải trả cho nguyên đơn ông Đỗ Văn U và bà Lê Thị L số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án ông U- bà L (*đối với khoản tiền 20.000.000 đồng*) cho đến khi người phải thi hành án (*chị Nguyễn Đăng Nguyên T*) thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc chị Nguyễn Đăng Nguyên T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Đỗ Văn U và bà Lê Thị L số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 500.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0007160 ngày 20/11/2017 của Chi cục THADS huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt tại phiên tòa khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Gia Lai;
- VKS Kbang;
- THA Kbang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lành

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Cảnh

Đinh Đình Chi

Đỗ Thị Lành

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS KBang;
- THA KBang;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

